TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** TỈNH NINH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24 /2018/DS- ST.
Ngày: 22-5-2018.
V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. PHAN RANG-THÁP CHÀM,TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Phước Trí.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Thanh Minh.
2. Ông Trương Thành Phương.

Thư ký phiên tòa: Ông Từ Công Từ Rượu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Yến- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại phòng xử án Toà án nhân dân thành phố Phan Rang-Tháp Chàm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 244/2017/TLST- DS ngày 07 tháng 11 năm 2017 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2018/QĐST-DS ngày 04/5/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP ĐT Việt Nam *(gọi tắt là Ngân Hàng).*

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tấn Đăng Kh – Chuyên viên phụ trách xử lý nợ Ngân hàng TMCP ĐT Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận (Quyết định ủy quyền số 1673/QĐ-BIDV.NT ngày 01/9/2017, ông Kh có mặt).

Bị đơn: Ông Trang Văn Q, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đặng Hoàng Lê Nguyên Ng (vợ ông Q, vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: số 30/2 Nguyễn Thị M, phường M, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24-10-2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy nguyên đơn ông Phạm Tấn Đăng Kh trình bày:

Ông Trang Văn Q và bà Đặng Hoàng Lê Nguyên Ng có quan hệ tín dụng tại Ngân hàng TMCP ĐT Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận (Ngân hàng) theo Hợp đồng tín dụng số Q895/2016/HĐ ngày 12/4/2016, cụ thể như sau: Số tiền vay: 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*); Thời hạn vay: 60 tháng; Mục đích vay: tiêu dùng; Lãi suất vay 9%/năm.

Người có nghĩa vụ trả nợ chung: bà Đặng Hoàng Lê Nguyên Ng (vợ ông Q).

Kỳ hạn trả nợ: Hàng tháng; số tiền trả nợ hàng tháng: 2.100.000đồng.

Lịch sử trả nợ: Tiền gốc đã trả: 3.335.328 đồng; Tiền lãi đã trả: 1.314.672 đồng. Tổng dư nợ của ông Trang Văn Q và bà Ng tính đến ngày 03/5/2018 là 118.180.141 đồng; Trong đó: Nợ gốc là 96.664.672 đồng; Nợ lãi: 21.515.469 đồng (trong đó lãi trong hạn là 21.011.301đồng, lãi phạt quá hạn là 504,168 đồng).

Đến nay, toàn bộ nợ vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên đã quá hạn. Do vậy ông Trang Văn Q và bà Đặng Hoàng Lê Nguyên Ng đã vi phạm hợp đồng tín dụng với Ngân hàng về việc trả nợ vay. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trang Văn Q và bà Đặng Hoàng Lê Nguyên Ng phải trả ngay toàn bộ nợ vay cho Ngân hàng tổng số nợ tạm tính đến ngày 03/5/2018 là 118.180.141 đồng; Yêu cầu Tòa án buộc ông Trang Văn Q và bà Đặng Hoàng Lê Nguyên Ng phải tiếp tục trả lãi phát sinh đối với số nợ trên tính từ ngày 04/5/2018 và lãi phạt chậm thi hành án với lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã được ký kết cho đến khi trả hết nợ vay.

Bị đơn ông Trang Văn Q và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Hoàng Lê Nguyên Ng đã được Tòa án niêm yết triệu tập hợp lệ đến Tòa để ghi lời khai vào ngày 02/01/2018, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 28/02/2018 và ngày 25/3/2018. Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 17/4/2018 nhưng ông Q, bà Ng vẫn không có mặt tại Tòa án, do đó Tòa án không ghi lời khai và không tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải được.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Tp. Phan Rang – Tháp Chàm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp. Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký luôn tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và người tham gia tố tụng dân sự là nguyên đơn luôn chấp hành pháp luật. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định và xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc bị đơn ông Trang Văn Q phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ vay là 118.180.141 đồng và lãi phát sinh theo yêu cầu của nguyên đơn. Đối với phần yêu cầu của nguyên đơn về buộc bà Đặng Hoàng Lê Nguyên Ng cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ trên cho Ngân hàng

là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu này của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà. Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Ngân hàng TMCP ĐT Việt Nam khởi kiện ông Trang Văn Q và bà Đặng Hoàng Lê Nguyên Ng về hợp đồng tín dụng số Q895/2016/HĐ ngày 12/4/2016. Căn cứ Biên bản xác minh ngày 02/01/2018 của Tòa án nhân dân Tp. Phan Rang – Tháp Chàm, ông Q, bà Ng hiện cư trú tại khu phố 2, phường M, Tp. Phan Rang – Tháp Chàm. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp. Phan Rang – Tháp Chàm theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS).

Về sự vắng mặt của bị đơn ông Trang Văn Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Hoàng Lê Nguyên Ng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tống đạt được Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan do bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có mặt tại địa chỉ nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ cư trú của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ghi trong giao dịch Hợp đồng tín dụng. Việc bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có mặt ở địa phương và thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho phía nguyên đơn về nơi cư trú mới theo khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình che giấu địa chỉ. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt văn bản tố tụng theo thủ tục chung thông qua hình thức niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng ông Q, bà Ng vẫn vắng mặt không có lý do và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

Về nội dung:

[2] Theo Hợp đồng tín dụng số: Q895/2016/HĐ ngày 12/4/2016, Giấy đề nghị vay vốn ngày 12/4/2016 và lời trình bày của đại diện nguyên đơn thể hiện Ngân hàng TMCP ĐT Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận đã giải ngân cho ông Q vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 09%/ năm, giải ngân bằng Bảng kê rút vốn ngày 14/4/2016 là có thật. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Q đã thanh toán theo hợp đồng đã ký, cụ thể như sau: Số tiền gốc đã trả: 3.335.328đồng; số tiền lãi đã trả: 1.314.672đồng. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Trang Văn Q và bà Đặng Hoàng Lê Nguyên Ng

phải trả số nợ vay tạm tính đến ngày 03/5/2018 tổng cộng số nợ cả gốc và lãi là 118.180.141 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 96.664.672 đồng; Nợ lãi: 21.515.469 đồng (trong đó lãi trong hạn là 21.011.301đồng, lãi phạt quá hạn là 504,168 đồng). Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày 04/5/2018 cho đến khi ông Q trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký là có căn cứ.

[3] Do ông Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ hàng tháng nên Ngân hàng được quyền thu nợ trước thời hạn và chuyển khoản nợ gốc quá hạn chưa thanh toán sang lãi quá hạn và áp dụng lãi quá hạn quy định tại Điều 3, điểm e khoản 4 Điều 9 của Phụ lục Hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay của các tổ chức tín dụng tại điều 3 và điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Mặc khác, bị đơn ông Q không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không phản đối chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh (khoản 2 điều 92 của BLTTDS).

Căn cứ các điều 357, 463, 466, 468 và 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 3, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận một phần.

[4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Hoàng Lê Nguyên Ng (vợ ông Q) cùng có trách nhiệm với ông Q để trả hết số tiền nợ vay này cho nguyên đơn. Xét thấy tại hồ sơ thực hiện Hợp đồng tín dụng giữa ông Trang Văn Q với Ngân hàng do Ngân hàng cung cấp, tại Giấy đề nghị vay vốn ở phần xác nhận của người thân người đề nghị vay vốn phần ký tên có ghi chữ "Ng". Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà Ng không đến Tòa án làm việc nên chưa có cơ sở để xác định đây là chữ ký của bà Ng trong hồ sơ thực hiện Hợp đồng tín dụng này và nguyên đơn cũng không có chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí, được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 357, 463, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa

án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP ĐT Việt Nam đối với bị đơn là ông Trang Văn Q.

Buộc ông Trang Văn Q có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP ĐT Việt Nam số tiền nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số: Q895/2016/HĐ ngày 12/4/2016 tính đến ngày 03/5/2018 cả gốc và lãi là **118.180.000đ** *(một trăm mười tám triệu một trăm tám mươi ngàn đồng, đã làm tròn số)*.

Bác phần yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP ĐT Việt Nam về việc buộc bà Đặng Hoàng Lê Nguyên Ng (vợ ông Q) cùng có trách nhiệm với ông Q để trả hết số tiền nợ vay này cho Ngân hàng.

Ông Trang Văn Q phải tiếp tục chịu lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán tính từ ngày 04/5/2018 theo mức lãi suất được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Về án phí:

Ông Trang Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.909.000đ *(năm triệu chín trăm lẽ chín ngàn đồng)*.

Ngân hàng TMCP ĐT Việt Nam không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền 2.779.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0014399 ngày 03/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Phan Rang – Tháp Chàm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. Phan Rang- Tháp Chàm;
- CC THADS TP.Phan Rang-Tháp Chàm;
- Các đương sự;
- Lưu HS + Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Phước Trí